TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Nhiệm kỳ 1981-1987

ISSN: 2734-9195 20:41 05/08/2023

LỜI NÓI ĐẦU

Trong gần hai ngàn năm hoằng pháp độ sinh trên đất nước Việt Nam và hòa mình trong dân tộc, đạo Phật đã trở thành một tôn giáo của dân tộc. Với truyền thống yêu nước Phật giáo Việt Nam bao giờ cũng là thành viên được tin cậy trong khối đoàn kết toàn dân, suốt dòng lịch sử dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa, cũng như trong sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày nay do Hồ Chủ Tịch và Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Nguyện vọng thống nhất Phật giáo đã thực hiện từ lâu, nhưng chưa được trọn vẹn. Nay trong bối cảnh dân tộc đã độc lập. Tổ quốc đã thống nhất, cả nước đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, Phật giáo Việt Nam có đủ cơ duyên thống nhất thật sự để duy trì chính pháp, góp phần tích cực cùng toàn dân đem lại vinh quang cho Tổ quốc, hòa bình an lạc, cho dân tộc và nhân loại.

Sự thống nhất này xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức, tuy nhiên, các truyền thống hệ phái cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp đều được tôn trọng, duy trì. Lý tưởng giác ngộ chân lý Hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội của giáo lý Đức Phật, nhằm phục vụ dân tộc, Tổ quốc và nhân loại chúng sinh là lập trường và mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và ngoài nước.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG I DANH HIỆU, HUY HIỆU, TRỤ SỞ

Điều 1: Tổ chức Phật giáo Việt Nam cả nước lấy danh hiệu là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, viết tắt là GHPGVN.

Điều 2: Huy hiệu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là hoa sen trắng tám cạnh, trên nền xanh lá cây đậm với gương sen 8 hột, vòng ngoài có chữ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM.

Điều 3: Trụ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt tại chùa Quán Sứ, số 73 Phố Quán Sứ, thủ đô Hà Nội.

CHƯƠNG II MỤC ĐÍCH, THÀNH PHẦN

Điều 4: Mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là điều Hòa hợp nhất các hệ phái Phật giáo Việt Nam cả nước để hộ trì và hoằng dương Phật pháp, phục vụ dân tộc và Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần Hòa bình an lạc cho thế giới.

Điều 5: Thành phần của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm các hệ phái Phật giáo Việt Nam, các tu sĩ và các cư sĩ thuộc các hệ phái Phật giáo Việt Nam, gia nhập và chấp hành bản Hiến chương này.

Điều 6: Thành phần nhân sự các cấp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là những tu sĩ và cư sĩ tiêu biểu có công đức với đạo pháp và dân tộc trung thành với Tổ quốc.

Điều 7: Thành viên (Tăng, Ni, Cư sĩ) của Giáo hội có quyền đề cử, ứng cử, bầu cử vào các cấp Giáo hội, có quyền thảo luận và biểu quyết các công việc của Giáo hội, có nhiệm vụ chấp hành Hiến chương, nội quy và các Nghị quyết của Giáo hội, tuỳ hỷ hiến cúng vào các sinh hoạt phí của Giáo hội.

CHƯƠNG III HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 8: Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam có hai hội đồng:

- Hội đồng Chứng minh. - Hội đồng Trị sự

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Điều 9: Hội đồng Chứng minh thành phần gồm có các vị Hòa thượng từ 60 tuổi đời, 40 tuổi đạo (Tỷ khiêu) trở lên, do cấp lãnh đạo Trung ương các tổ chức Phật giáo Việt Nam cả nước hiện hữu đề cử, được Đại hội Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam suy tôn. Về sau, nếu có tăng thêm thì do Hội đồng Trị sự đề cử lên Thường trực Hội đồng Chứng minh thỉnh và được suy tôn trong Đại hội Trung ương Giáo hội hay trong Đại hội.

Điều 10: Hội đồng Chứng minh là cơ quan tối cao chủ trì những hoạt động tín ngưỡng, đạo pháp của Giáo hội - hướng dẫn những vấn đề thuộc Phật pháp, giới

luật, lễ nghi trong Giáo hội làm cố vấn Chứng minh, giám sát các hoạt động của Hội đồng Trị sự.

Điều 11: Các vị Hòa thượng trong Hội đồng Chứng minh tại vị vĩnh viễn, ngoại trừ trường hợp đặc biệt mới phải phế vị do quyết định của Hội đồng Chứng minh với đa số quá bán biểu quyết.

Điều 12: Hội đồng Chứng minh suy cử một Ban Thường trực gồm một vị Pháp chủ, các vị Phó pháp chủ, một vị Giám luật, một vị Chánh Thư ký Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh có nhiệm vụ:

- Chứng minh các Đại hội Trung ương và Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Hướng dẫn và giám sát các hoạt động của Giáo hội về mặt đạo pháp và giới luật.

- Phê chuẩn tấn phong chức vị giáo phẩm Hòa thượng, Thượng tọa của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều 13: Nhiệm kỳ của Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh là 5 năm, ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng Trị sự.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Điều 14: Hội đồng Trị sự thành phần có tối đa là 50 thành viên gồm các vị Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng, Ni và Cư sĩ của Giáo hội, do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tiền nhiệm đề cử và Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam bầu.

Điều 15: Hội đồng Trị sự là cơ quan lãnh đạo cao nhất về các mặt hoạt động của Giáo hội giữa hai kỳ Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hội đồng Trị sự ấn định chương trình hoạt động hàng năm của Giáo hội theo đúng Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam, đôn đốc và kiểm soát việc thực hiện chương trình đó.

Điều 16: Hội đồng Trị sự có nhiệm vụ bầu cử Ban Thường trực Trung ương Giáo hội và có quyền bãi miễn với đa số quá bán tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết và đệ trình lên Thường trực Hội đồng Chứng minh kính tường.

Điều 17: Ban Thường trực Trung ương Giáo hội thay mặt Hội đồng Trị sự điều hành các hoạt động và các ngành hoạt động của Giáo hội Phật giáo. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự hoạt động theo Nội quy của mình, có đệ trình Hội đồng Chứng minh kính tường.

Điều 18: Các ngành hoạt động của Giáo hội gồm có:

- Ban Tăng sự.

- Ban Giáo dục Tăng, Ni.

- Ban Hướng dẫn Nam Nữ Cư sĩ Phật tử.

- Ban Hoằng pháp.

- Ban Nghi lễ.

- Ban Văn hoá.

Các ban trên đây hoạt động theo nội quy riêng.

Điều 19: Thành phần Ban Thường trực Trung ương Giáo hội gồm có:

- Một Chủ tịch.

- Hai Phó Chủ tịch Thường trực.

- Các Phó Chủ tịch.

- Một trưởng ban Tăng sự.

- Một trưởng ban Giáo dục Tăng, Ni.

- Một trưởng ban Hướng dẫn Phật tử.

- Một trưởng ban Hoằng pháp.

- Một trưởng ban Văn hoá.

- Một trưởng ban Nghi lễ.

- Một Tổng Thư ký.

- Hai Phó Tổng Thư ký.

- Một Uỷ viên Thủ quỹ.

- Một phó Thủ quỹ.

- Hai Uỷ viên Kiểm soát.

Điều 20: Nhiệm kỳ của Ban Thường trực Trung ương Giáo hội theo đúng nhiệm kỳ của Hội đồng Trị sự là 5 năm.

Điều 21: Khi chưa hết nhiệm kỳ, nếu có chức vị trong Ban Thường trực Trung ương Giáo hội bị khuyết, thì Ban Thường trực báo cáo đề nghị Hội đồng Trị sự bổ sung trong Đại hội gần nhất của Hội đồng. Trong khi chờ đợi, Ban Thường trực có thể cử người trong Ban Thường trực quyền kiêm nhiệm.

Điều 22: Chủ tịch Ban Thường trực Trung ương Giáo hội thay mặt Giáo hội về mặt pháp lý Nhà nước và các mối quan hệ của Giáo hội trong nước và ngoài nước. Một trong hai phó Chủ tịch Thường trực thay thế Chủ tịch khi Chủ tịch vắng mặt.

CHƯƠNG VI TỈNH HỘI, THÀNH HỘI

Điều 23: Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử được thành lập một Tỉnh hội, Thành hội trực thuộc Trung ương Giáo hội do một Ban điều hành. Ban Trị sự không quá 25 thành viên, bầu ra Ban Thường trực gồm có:

- Một trưởng Ban Trị sự.

- Các Phó trưởng ban.

- Các Uỷ viên phụ trách các ngành thể theo các Ban Trung ương.

- Một Chánh Thư ký.

- Một phó Thư ký.

- Một Tài chính.

- Một Thủ quỹ

- Một Kiểm soát.

Nơi nào không đủ điều kiện thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội thì lập một Ban đại diện gồm có: Một chánh đại diện, hai phó đại diện, một thư ký và một thủ quỹ.

Điều 24: Ban Trị sự do Đại hội đại biểu Tăng, Ni cư sĩ Phật tử thuộc tỉnh hay thành phố trực thuộc Trung ương bầu cử trong hàng Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử tại địa phương, được Ban Thường trực Trung ương Giáo hội chuẩn y bằng quyết định. Trưởng Ban Trị sự phải là Tăng sĩ. Nếu cần Ban Trị sự có thể thỉnh chứng minh cố vấn trong hàng Hòa thượng tại địa phương.

Điều 25: Nhiệm kỳ của Ban Trị sự là 3 năm.

Điều 26: Huyện, quận nếu có Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử, Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội có thể bổ nhiệm một Ban đại diện gồm: Một Chánh đại diện, một Phó đại diện, một Thư ký trong hàng Tăng, Ni, Phật tử ở địa phương.

Những xã nếu có tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, Niệm Phật đường, có Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử, xét thấy cần thiết Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội có thể bổ nhiệm các đại diện tại địa phương đó, để giúp quận, huyện liên hệ với các cơ sở của Giáo hội về mặt sinh hoạt tín ngưỡng.

Điều 27: Đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là các Tự, Viện, Tịnh xá, Tịnh thất, Niệm Phật đường.

CHƯƠNG VII ĐẠI HỘI - HỘI NGHỊ

Điều 28: Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam họp 5 năm một kỳ, do Chủ tịch Thường trực Trung ương triệu tập để:

- Kiểm điểm hoạt động của Giáo hội trong 5 năm qua.

- Ấn định chương trình hoạt động 5 năm tới.

- Bầu Hội đồng Trị sự.

- Sửa đổi Hiến chương của Giáo hội nếu cần và thông qua Hiến chương sửa đổi.

Điều 29: Thành phần Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm:

- Hội đồng Chứng minh.

- Hội đồng Trị sự.

- Đại biểu các tỉnh hội, thành hội do Đại hội Đại biểu các tỉnh hội, thành hội cử.

Ban Thường trực Trung ương Giáo hội sẽ quyết định số lượng đại biểu của Đại hội và số đại biểu của mỗi địa phương tham dự Đại hội.

Đại hội quyết định theo đa số đại biểu có mặt, trừ trường hợp sửa đổi Hiến chương quy định ở điều 45 số đại biểu có mặt phải là quá nửa tổng số đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều 30: Đại hội Hội đồng Chứng minh do Pháp chủ triệu tập 5 năm một kỳ để:

- Kiểm điểm Phật sự của Giáo hội đã thi hành.

- Duyệt xét chương trình Phật sự sẽ thi hành.

- Suy cử Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh.

Điều 31: Khi cần, Pháp chủ có thể triệu tập Đại hội Hội đồng Chứng minh bất thường, do Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh chấp thuận hoặc do quá nửa tổng số thành viên Hội đồng Chứng minh đề nghị.

Điều 32: Đại hội Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Chủ tịch Thường trực Trung ương Giáo hội triệu tập mỗi năm một kỳ để:

- Kiểm điểm hoạt động một năm qua.

- Căn cứ nghị quyết của Đại hội thảo luận và định hướng chương trình hoạt động trong năm tới.

- Thảo luận và ấn định những vấn đề về tổ chức và nhân sự của Giáo hội nếu có.

Thành phần Đại hội Trung ương Giáo hội gồm:

- Thường trực Hội đồng Chứng minh.

- Hội đồng Trị sự.

- Ban Thường trực Trung ương giáo hội.

Điều 33: Khi cần thiết, Chủ tịch Thường trực Trung ương Giáo hội có thể triệu tập Đại hội Trung ương Giáo hội bất thường sau khi Ban Thường trực Trung ương Giáo hội biểu quyết, hoặc do quá nửa tổng số thành viên Hội đồng Trị sự đề nghị. Thành phần Đại hội Trung ương bất thường, thể theo thành phần Đại hội Trung ương quy định ở điều 32.

Điều 34: Đại hội Đại biểu các tỉnh hội, thành hội do Trưởng Ban Trị sự triệu tập 3 năm một kỳ để:

- Báo cáo tổng kết hoạt động trong 3 năm qua.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các nghị quyết Đại hội Trung ương Giáo hội để thảo luận, ấn định chương trình hoạt động của Tỉnh hội, thành hội 3 năm tới.

- Bầu Ban Trị sự tỉnh hội, thành hội..

Thành phần và số lượng đại biểu dự Đại hội tỉnh hội, thành hội do Thường trực Ban Trị sự ấn định. Đại hội Đại biểu các tỉnh hội, thành hội quyết định theo đa số đại biểu có mặt, phải quá nửa tổng số tỉnh hội, thành hội.

Điều 35: Đại hội Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội do Trưởng Ban Trị sự triệu tập 6 tháng một kỳ để kiểm điểm và hoạch định chương trình hoạt động và cử Đại biểu dự Đại hội, nếu đến kỳ Đại hội của Giáo hội. Trưởng Ban Trị sự có thể triệu tập Đại hội bất thường của Ban Trị sự nếu cần thiết và phải được hai phần ba tổng số thành viên thường trực Ban Trị sự biểu quyết.

CHƯƠNG VIII GIÁO PHẨM

Điều 36: Được tấn phong Hòa thượng những Thượng tọa từ 60 tuổi đời, 40 tuổi đạo trở lên, có đạo hạnh, có công đức với đạo pháp và dân tộc, do Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Trung ương Giáo hội để xét duyệt, đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn, được Đại hội Trung ương tấn phong với một Nghị quyết.

Điều 37: Được tấn phong Thượng tọa những tăng sĩ từ 50 tuổi đời, 20 tuổi đạo trở lên có đạo hạnh, công đức với đạo pháp và dân tộc do Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Trung ương Giáo hội xét duyệt đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh tấn phong với một Giáo chỉ.

Điều 38: Cấp bực giáo phẩm của Ni chúng được ấn định trong nội quy của Ban Tăng sự đề nghị Ban Thường trực Trung ương Giáo hội thể theo nguyên tắc ấn định giáo phẩm của hàng Tăng giới đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn và ban Giáo chỉ.

Điều 39: Danh xưng của Tăng, Ni cư sĩ Phật tử trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam được quy định đúng theo tăng giới luật Phật.

CHƯƠNG IX TUYÊN DƯƠNG - CÔNG ĐỨC - KỶ LUẬT

Điều 40: Thành viên của Giáo hội có nhiều thành tích với đất nước và công đức với đạo pháp sẽ được Giáo hội tuyên dương.

Thành viên vi phạm Hiến chương, nội quy của Giáo hội tuỳ theo lỗi nặng, nhẹ, Giáo hội sẽ xử lý thích đáng.

Thành viên có các hoạt động làm thương tổn đến thanh danh, đến sự Hòa hợp, đến quyền lợi của Giáo hội, phương hại đến khối đại đoàn kết toàn dân, đến Hòa bình, độc lập, thống nhất của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Giáo hội sẽ xử lý nghiêm minh.

Các thành viên bị khai trừ, sau khi biết hối cải, có thể xin gia nhập Giáo hội. thành viên nào mất quyền công dân thì mất quyền hạn thành viên giáo hội. Khi nào được hồi phục quyền công dân thì có thể được xin phục hồi quyền hạn

thành viên giáo hội.

Điều 41: Việc tuyên dương công đức đối với thành viên thường, do Ban Trị sự quyết định, đối với thành viên trong Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội do Ban Thường trực Trung ương Giáo hội quyết định, đối với thành viên Hội đồng Trị sự, do hai phần ba thành viên Hội đồng Trị sự Trung ương biểu quyết và được Thường trực Hội đồng Chứng minh ấn chứng.

Điều 42: Việc thi hành kỷ luật đối với thành viên thường do Ban Trị sự quyết định. Đối với thành viên trong Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội do Ban Thường trực Trung ương Giáo hội quyết định, đối với thành viên Hội đồng Trị sự, do hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng Trị sự Trung ương biểu quyết và đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh kính tường.

Điều 43: Đối với những Tăng, Ni vi phạm về giới luật, do Ban Thường trực Trung ương Giáo hội đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh xử lý theo Luật Phật.

CHƯƠNG X TÀI CHÍNH

Điều 44: Tài chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có:

- Niên liễm do thành viên đóng góp.

- Tài vật hiến cúng hợp pháp.

- Tài vật do Giáo hội tự tạo hợp pháp.

CHƯƠNG XI SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG

Điều 45: Chỉ có Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam mới có quyền sửa đổi Hiến chương này và phải được 2/3 tổng số đại biểu Đại hội biểu quyết.

Điều 46: Dự án sửa đổi Hiến chương do Hội đồng Trị sự Trung ương đề nghị lên Đại hội.

Hiến chương này gồm có 11 chương và 46 điều được Đại hội đại biểu thống nhất Việt Nam cả nước soạn, duyệt, nhất trí thông qua và biểu quyết. Chủ tịch Ban Thường trực Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành sau khi được Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn.

Làm tại Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 1981

Trích theo tài liệu: **Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Đại hội đến Đại hội (1981 - 2012)** - Nhà xuất bản Tôn giáo 2012. Người thực hiện: **Nguyễn Đại Đồng**